



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 15

Ngày 15 tháng 08 năm 2023

MỤC LỤC

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

HĐND TỈNH

19/07/2023	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 197/NQ-HĐND thành lập Đoàn giám sát tình hình thực hiện và triển khai Đề án sắp xếp, sáp nhập các bản, tiểu khu, tổ dân phố; việc kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn đầu mối bên trong các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh	4
19/07/2023	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 198/NQ-HĐND thông qua những nội dung Thường trực HĐND tỉnh đã xem xét, giải quyết theo đề nghị của UBND tỉnh từ Kỳ họp thứ sáu đến Kỳ họp thứ bảy của HĐND tỉnh	8
20/07/2023	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 201/NQ-HĐND về việc thông qua hệ số điều chỉnh giá đất với các vị trí, tuyến đường được điều chỉnh, bổ sung tại Nghị quyết số 190/NQ-HĐND ngày 02/6/2023 của HĐND tỉnh	10
20/07/2023	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 202/NQ-HĐND Phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án khởi công mới bổ sung thực hiện trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	20
20/07/2023	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 204/NQ-HĐND phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Đường từ Quốc lộ 6 qua tiểu khu Vườn Đào, thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu đến bản Thương Công, xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La	28

20/07/2023	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 205/NQ-HĐND về việc điều chỉnh, phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương (đợt 8)	30
20/07/2023	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 206/NQ-HĐND về việc điều chỉnh, phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn vốn ngân sách địa phương	40
20/07/2023	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 207/NQ-HĐND về việc thông qua Đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La	56
20/07/2023	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 208/NQ-HĐND về việc điều chỉnh một số nội dung tại Nghị quyết số 102/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh về phê duyệt điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh phê duyệt Quy hoạch tham dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Sơn La	64
20/07/2023	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 209/NQ-HĐND về việc thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án đầu tư năm 2023 trên địa bàn tỉnh	69

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 197/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 19 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Thành lập Đoàn giám sát tình hình thực hiện và triển khai Đề án sắp xếp, sáp nhập các bản, tiểu khu, tổ dân phố; việc kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn đầu mối bên trong các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của HĐND tỉnh về Chương trình giám sát năm 2023 của HĐND tỉnh khóa XV, nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Xét Tờ trình số 45/TTr-TTHĐND ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Thường trực HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thành lập Đoàn giám sát của HĐND tỉnh về tình hình thực hiện và triển khai Đề án sắp xếp, sáp nhập các bản, tiểu khu, tổ dân phố; việc kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn đầu mối bên trong các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh, thành phần gồm:

1. Ông Nguyễn Thái Hưng - Chủ tịch HĐND tỉnh - Trưởng đoàn.
2. Ông Chá A Cửa - Phó Chủ tịch HĐND tỉnh - Phó Trưởng đoàn.
3. Các Ủy viên, đại biểu mời tham gia thành viên Đoàn giám sát do Thường trực HĐND tỉnh quyết định.

Điều 2. Phạm vi, đối tượng, nội dung giám sát

1. Phạm vi giám sát

Tình hình thực hiện và triển khai Đề án sắp xếp, sáp nhập các bản, tiểu khu, tổ dân phố; việc kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn đầu mối bên trong các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Đối tượng giám sát: UBND tỉnh; Sở Nội vụ; UBND 12 huyện, thành phố.
3. Nội dung giám sát

Đánh giá kết quả đạt được, hạn chế, bất cập và nguyên nhân của hạn chế, bất cập đối với việc thực hiện và triển khai Đề án sắp xếp, sáp nhập các bản, tiểu khu, tổ dân phố; việc kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn đầu mối bên trong các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh; đề xuất, kiến nghị giải pháp đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc sắp xếp, sáp nhập các bản, tiểu khu, tổ dân phố; việc kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn đầu mối bên trong các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện.

(có Kế hoạch giám sát kèm theo)

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn

1. Thường trực HĐND tỉnh chỉ đạo Đoàn giám sát xây dựng đề cương giám sát và tổ chức triển khai thực hiện.

2. Đoàn giám sát thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 2, Điều 62 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015 và các quy định pháp luật có liên quan, báo cáo Thường trực HĐND tỉnh tại phiên họp Thường trực HĐND tỉnh, báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ tám, HĐND tỉnh khóa XV, nhiệm kỳ 2021 - 2016.

3. Ban Pháp chế, HĐND tỉnh: Chủ trì tham mưu Đoàn giám sát, đề cương giám sát về vấn đề liên quan đến nội dung giám sát.

4. Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh: Chủ trì tham mưu phục vụ Đoàn giám sát về chương trình, kế hoạch, công tác đảm bảo các hoạt động của Đoàn giám sát.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Thường trực HĐND tỉnh, Đoàn giám sát, các Ban của HĐND tỉnh, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh và các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 19 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VP Chủ tịch nước, VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu của UBTVQH;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND các huyện, thành phố;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh; Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, D.Linh.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Giám sát tình hình thực hiện và triển khai Đề án sắp xếp,
sáp nhập các bản, tiểu khu, tổ dân phố; việc kiện toàn, sắp xếp
tổ chức bộ máy tinh gọn đầu mối bên trong các cơ quan chuyên môn
thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh**

(Kèm theo Nghị quyết số 197/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 của HĐND tỉnh)

Thực hiện Chương trình giám sát năm 2023, HĐND tỉnh ban hành Kế hoạch giám sát tình hình thực hiện và triển khai Đề án sắp xếp, sáp nhập các bản, tiểu khu, tổ dân phố; việc kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn đầu mối bên trong các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đánh giá kết quả đạt được, hạn chế, bất cập và nguyên nhân của hạn chế, bất cập đối với việc thực hiện và triển khai Đề án sắp xếp, sáp nhập các bản, tiểu khu, tổ dân phố; việc kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn đầu mối bên trong các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh.

- Xác định rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan; đề xuất, kiến nghị giải pháp đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc sắp xếp, sáp nhập các bản, tiểu khu, tổ dân phố; việc kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn đầu mối bên trong các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

Hoạt động giám sát phải được thực hiện nghiêm túc, đúng thời gian và tiến độ, bảo đảm khách quan, trung thực, đúng quy định của pháp luật; phản ánh chính xác những kết quả đạt được, chỉ rõ những tồn tại, hạn chế và có kiến nghị phù hợp với thực tiễn và pháp luật.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu sự giám sát thực hiện nghiêm túc kế hoạch giám sát; kịp thời báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Đoàn giám sát; bố trí địa điểm và phân công cán bộ có thẩm quyền, trách nhiệm làm việc với Đoàn giám sát.

II. NỘI DUNG GIÁM SÁT

1. Công tác tổ chức chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện Đề án sắp xếp, sáp nhập các bản, tiểu khu, tổ dân phố; việc kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh

gọn đầu mỗi bên trong các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh.

2. Kết quả đạt được trong thực hiện và triển khai Đề án sắp xếp, sáp nhập các bản, tiểu khu, tổ dân phố; việc kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn đầu mỗi bên trong các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh.

3. Đánh giá hạn chế, bất cập, khó khăn, vướng mắc, tồn tại hạn chế và nguyên nhân.

4. Đề xuất, kiến nghị giải pháp đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc sắp xếp, sáp nhập các bản, tiểu khu, tổ dân phố; việc kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn đầu mỗi bên trong các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện.

Mốc thời gian báo cáo: Đối với Đề án sắp xếp, sáp nhập các bản, tiểu khu, tổ dân phố: Từ khi ban hành Đề án sắp xếp, sáp nhập các bản, tiểu khu, tổ dân phố theo quy định trên địa bàn tỉnh (*kèm theo Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của HĐND tỉnh thông qua Đề án sắp xếp, sáp nhập các bản, tiểu khu, tổ dân phố theo quy định trên địa bàn tỉnh*) đến ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Đối với việc kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn đầu mỗi bên trong các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh: Từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023.

III. PHƯƠNG THỨC GIÁM SÁT

Đoàn giám sát thực hiện giám sát thông qua các hoạt động sau đây:

1. Yêu cầu UBND tỉnh, Sở Nội vụ, UBND các huyện, thành phố gửi báo cáo.
2. Tổ chức giám sát trực tiếp tại một số cơ quan, đơn vị: Sở Nội vụ, UBND một số huyện, thành phố và làm việc với UBND tỉnh để thống nhất các nội dung sau giám sát.
3. Tổng hợp, nghiên cứu, đánh giá các báo cáo của UBND tỉnh, các cơ quan chịu sự giám sát.
4. HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về nâng cao chất lượng, hiệu quả việc sắp xếp, sáp nhập các bản, tiểu khu, tổ dân phố; việc kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn đầu mỗi bên trong các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh (*nếu xét thấy cần thiết*).

IV. THỜI GIAN GIÁM SÁT

Đoàn giám sát quyết định thời gian giám sát cụ thể, trường hợp thay đổi thời gian giám sát có trách nhiệm thông báo cho các cơ quan, đơn vị (*dự kiến trong quý III năm 2023*).

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 198/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 19 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Thông qua những nội dung Thường trực HĐND tỉnh đã xem xét, giải quyết theo đề nghị của UBND tỉnh từ kỳ họp thứ sáu đến kỳ họp thứ bảy của HĐND tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 9 năm 2015;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 268/NQ-UBTVQH15 ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc cho phép Chính phủ ban hành Nghị quyết có một số nội dung khác với quy định của luật để đáp ứng yêu cầu phòng, chống dịch COVID-19;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của HĐND tỉnh về ban hành quy chế hoạt động của HĐND tỉnh khóa XV, nhiệm kỳ 2016 - 2021;

Xét Tờ trình số 41/TTr-TTHĐND ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Thường trực HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua 04 nội dung Thường trực HĐND tỉnh đã xem xét giải quyết theo đề nghị của UBND tỉnh từ Kỳ họp thứ sáu đến Kỳ họp thứ bảy của HĐND tỉnh (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Nghị quyết này được HĐND tỉnh Sơn La khóa XV, kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 19 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu của UBTV Quốc hội;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND; UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XV;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG THƯỜNG TRỰC HĐND TỈNH
ĐÃ XEM XÉT GIẢI QUYẾT GIỮA HAI KỲ HỌP

STT	Nội dung	Số văn bản trả lời của Thường trực HĐND tỉnh	
1	Tờ trình số 218/TTr-UBND ngày 27/11/2022 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh <i>(thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính)</i>	481/TTHĐND	28/11/2022
2	Tờ trình số 65/TTr-UBND ngày 26/5/2023 của UBND tỉnh về việc trình phương án hỗ trợ kinh phí năm 2023, đơn vị: Công an tỉnh <i>(thực hiện theo quy định tại Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng an ninh)</i>	644/TTHĐND	09/6/2023
3	Tờ trình số 67/TTr-UBND ngày 05/6/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị chuyên dùng của cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh Sơn La <i>(thực hiện theo Điều 8, Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị)</i>	643/TTHĐND	07/6/2023
4	Tờ trình số 75/TTr-UBND ngày 28/6/2023 của UBND tỉnh về việc xin chủ trương phương án cân đối và xử lý các nguồn kinh phí còn dư tại ngân sách tỉnh năm 2022 <i>(thực hiện quy định Điều 52, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015)</i>	677/TTHĐND	07/7/2023

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 201/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 19 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua hệ số điều chỉnh giá đất
đối với các vị trí, tuyến đường được điều chỉnh, bổ sung tại
Nghị quyết số 190/NQ-HĐND ngày 02/6/2023 của HĐND tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính; Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính;

Xét Tờ trình số 89/TTr-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2023 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 541/BC-KT-NS ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của Đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua hệ số điều chỉnh giá đất đối với các vị trí, tuyến đường được điều chỉnh, bổ sung tại Nghị quyết số 190/NQ-HĐND ngày 02 tháng 6 năm 2023 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung quy định Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2020 - 2024.

(có 04 Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khoá XV, kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTƯQH;
- Các Bộ: Tài chính; Tài nguyên và Môi trường; Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị xã hội tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

Phụ lục số 01
HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT CÁC VỊ TRÍ,
TUYẾN ĐƯỜNG THÀNH PHỐ SƠN LA

(Kèm theo Nghị quyết số 201/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND)

STT	Tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
A	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ					
I	Phường Chiềng An					
1	Từ kè suối Nậm La đến ngã ba bãi đá đô thị cũ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
II	Phường Quyết Tâm					
1	Đường quy hoạch khu dân cư mới tổ 5 phường Quyết Tâm đường quy hoạch rộng từ 10 - 11,5 m	1,0	1,0			
III	Phường Chiềng Sinh					
1	Từ Km 291 + 160 m giáp địa phận xã Chiềng Mung đến Km 291 + 935 m, tổ 17 phường Chiềng Sinh	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ Km 291 + 410 m giáp địa phận xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn đến Km 293 + 470 m thuộc tổ 7 phường Chiềng Sinh	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ Km 295 + 860 m giáp địa phận xã Chiềng Ban huyện Mai Sơn đến Km 297 giáp địa phận xã Hua La	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ Km 295 + 860 m giáp địa phận xã Hua La đến Km 298 + 800 giáp địa phận phường Chiềng Cơi	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
IV	Phường Chiềng Cơi					
1	Từ Km 298 + 800 m hướng đi Thuận Châu đến hết địa phận phường Chiềng Cơi	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ hết đất hạ tầng khu dân cư số 1A (quy hoạch khu đô thị phía Tây Nam thành phố) đường 31 m đến ngã tư giao với đường Văn Tiên Dũng	1,0	1,0			
V	Phường Tô Hiệu					
1	Đường từ ngã tư đường Hoàng Quốc Việt đi trụ sở HĐND - UBND tỉnh đến đường Nguyễn Văn Linh		1,0	1,0		

STT	Tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
2	Đường từ ngã tư bản Mé Ban qua cầu Coóng Nọi đến đường Nguyễn Văn Linh		1,0	1,0		
B	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN					
I	Xã Hua La					
1	Nút giao ngã 5 (đường 31 m, đường tránh Quốc lộ 6, đường Văn Tiến Dũng) đi các hướng 100 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Nút giao ngã 5 (đường 31 m, đường tránh Quốc lộ 6, đường Văn Tiến Dũng) hướng đi Thuận Châu đến hết đất bản Lụa xã Hua La giáp địa phận xã Chiềng Cọ (trừ mục 1 ghi trên)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Nút giao ngã 5 (đường 31 m, đường tránh Quốc lộ 6, đường Văn Tiến Dũng) hướng đi thành phố đường 31 m đến ngã tư giao với đường Văn Tiến Dũng (hết địa phận xã Hua La) (trừ mục 1 ghi trên)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Nút giao ngã 5 (đường 31m, đường tránh Quốc lộ 6, đường Văn Tiến Dũng) hướng đi Mai Sơn đến hết bản Hịa xã Hua La (trừ mục 1 ghi trên)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Từ Km 297 hướng đi huyện Thuận Châu đến Km 297 + 860 m giáp địa phận phường Chiềng Sinh	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
II	Xã Chiềng Cọ					
1	Đường trục xã cũ (hướng đi huyện Mai Sơn)					
-	Từ đầu Quốc lộ 6 (chợ đầu mối) theo hướng đường trục xã cũ đến ngã ba giao với đường tránh Quốc lộ 6 (đến đất nhà ông Quàng Văn Phúc)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ nhà ông Quàng Văn Chính theo hướng đường trục xã cũ đến đất rừng ma (giao ngã ba đường tránh Quốc lộ 6)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã ba rẽ vào trường tiểu học Chiềng Cọ theo hướng đường trục xã cũ đến ngã ba đi các bản Ót Luông, Ót Nọi, bản Giầu, bản Ngoại, bản Hùn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Đường tránh Quốc lộ 6 (hướng đi Mai Sơn)					

STT	Tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Từ đầu Quốc lộ 6 (<i>chợ đầu mối</i>) dọc đường tránh Quốc lộ 6 đến ngã ba giao với đường trục xã cũ (<i>đến đất nhà ông Quàng Văn Phúc</i>)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã ba giao với đường trục xã cũ (<i>đến đất nhà ông Quàng Văn Phúc</i>) dọc đường tránh Quốc lộ 6 đến ngã ba rẽ vào trường Tiểu học Chiềng Cọ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã ba rẽ vào trường Tiểu học Chiềng Cọ đến hết địa phận xã Chiềng Cọ giáp đất bản Lụa xã Hua La	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Khu quy hoạch dân cư bản Sàng, xã Hua La					
-	Đường quy hoạch rộng 11 m (<i>gồm cả vỉa hè</i>)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

Phụ lục số 02
BỔ SUNG HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT
CÁC VỊ TRÍ, TUYẾN ĐƯỜNG HUYỆN SÔNG MÃ
(Kèm theo Nghị quyết số 201/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND)

STT	Tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
A	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ					
1	Từ đầu cầu cứng tổ dân phố 5 đến vị trí 1 đường Lê Hồng Phong và vị trí 1 đường Lò Văn Giá	1,0	1,0	1,0	1,0	
B	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN					
I	ĐẤT Ở TẠI KHU DÂN CƯ VEN ĐÔ, KHU CÔNG NGHIỆP, ĐẦU MỐI GIAO THÔNG, TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG CHÍNH, KHU THƯƠNG MẠI, KHU DU LỊCH					
1	Xã Nà Nhieu					
-	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu phía tây Sông Mã - thị trấn Sông Mã, khu 6 và khu 9 huyện Sông Mã					
1.1	Đường Hùng Vương (từ ngã ba đường Hoàng Văn Thụ Km 90 + 200 Quốc lộ 4G đến cầu treo cũ)	1,0				
1.2	Đường Lê Thái Tông	1,0				
1.3	Phố Phạm Văn Đồng	1,0				
1.4	Phố Lý Nam Đế	1,0				
1.5	Đường Nguyễn Huệ	1,0				
1.6	Phố An Dương Vương	1,0				
2	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu đô thị Hưng Mai					
2.1	Đường Hùng Vương (đoạn từ cầu treo cũ đến ngã tư giao với đường quy hoạch 21m)	1,0				
2.2	Đường Võ Nguyên Giáp	1,0				
3	Xã Chiềng Khương					
-	Tuyến đường tuần tra biên giới từ ngã ba bản Cỏ đến hết đất nhà ông Quàng Văn Vui - bản Cỏ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
II	ĐẤT CỤM XÃ, TRUNG TÂM XÃ					
1	Xã Mường Cai					
1.1	Từ đỉnh dốc Kéo Đình chỗ nhà ông Kha Văn Ứng đến hết đất nhà tập thể thủy điện Nậm Sỏi	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
1.2	Từ ngã 3 nhà ông Tiến Dịu đầu cầu treo cũ đến hết đất nhà ông Lò Văn Thoan	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
1.3	Từ ngã 3 đi bản Co Phường (đường vào UBND xã) đến hết đất nhà ông Lò Văn Thi và tuyến vào đến công trụ sở UBND xã	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
1.4	Từ ngã 3 nhà ông Hiệp đường rẽ vào UBND xã đến giáp đất nhà máy thủy điện Nậm Sỏi	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
1.5	Các bản khác còn lại	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

Phụ lục số 03
BỔ SUNG HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT
CÁC VỊ TRÍ, TUYẾN ĐƯỜNG HUYỆN MAI SƠN
(Kèm theo Nghị quyết số 201/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND)

STT	Tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
B	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN					
BI	ĐẤT Ở TẠI KHU DÂN CƯ VEN ĐÔ, KHU CÔNG NGHIỆP, ĐẦU MỐI GIAO THÔNG, TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG CHÍNH, KHU THƯƠNG MẠI, KHU DU LỊCH	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
1	Từ ngã ba đầu nối đường Quốc lộ 6 cũ với đường Quốc lộ 6 tuyến tránh thành phố Sơn La qua địa phận huyện Mai Sơn + 50 m đi theo hướng Quốc lộ 6 tuyến tránh thành phố Sơn La qua địa phận huyện Mai Sơn đến hết địa phận bản Nà Hạ 2, xã Chiềng Mung <i>(từ Km 290 + 380 m đến Km 291 + 160 m)</i>	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ ngã tư Quốc lộ 6 tuyến tránh thành phố Sơn La qua địa phận huyện Mai Sơn giao Quốc lộ 4G + 200 m đi về phía bản Nà Hạ 2 hướng đi huyện Mai Sơn + 200 m hướng đi huyện Thuận Châu <i>(từ Km 291 + 935 đến Km 292 + 410)</i>	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ ao cạn địa phận xã Chiềng Ban <i>(bản Hợp Ba Văn Tiên)</i> đến hết địa phận huyện Mai Sơn <i>(từ Km 293 + 470 đến Km 295 + 860)</i>	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

Phụ lục số 04
BỔ SUNG HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT
CÁC VỊ TRÍ, TUYẾN ĐƯỜNG HUYỆN MỘC CHÂU
(Kèm theo Nghị quyết số 201/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND)

STT	Tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
A	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ					
A1	Thị trấn Mộc Châu					
-	Tuyến đường khu đất đấu giá Bế Văn Đàn, tiểu khu 1, thị trấn Mộc Châu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ thửa đất số 36, tờ bản đồ 30 đến hết thửa đất số 75, tờ bản đồ số 30 (tiểu khu 1, thị trấn Mộc Châu)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các tuyến đường nội thị khu Trung tâm hành chính mới (quy hoạch 34,5 m)	1,0	ỈM	1,0	1,0	1,0
-	Các tuyến đường nội thị khu Trung tâm hành chính mới (quy hoạch 21,5 m)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các tuyến đường nội thị khu Trung tâm hành chính mới (quy hoạch 15,5 m)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các tuyến đường nội thị khu Trung tâm hành chính mới (quy hoạch 13,5 m)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các tuyến đường khu dân cư 224 cũ (đường vào Trung tâm Văn hoá huyện, tiểu khu 8, thị trấn Mộc Châu)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
A2	Thị trấn Nông trường Mộc Châu					
-	Tuyến đường khu đất quy hoạch đấu giá tiểu khu 32, thị trấn Nông trường Mộc Châu (khu nhà ở Thảo Nguyên)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã tư kho Muối phạm vi 100 m qua mỏ đá Thanh Thi đến đất Ban Quản lý khu Du lịch Mộc Châu (hướng ra ngã tư Bó Bun)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
B	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN					
VII	Các tuyến đường tại các xã					

STT	Tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
2	Xã Đông Sang					
-	Tuyến đường quy hoạch khu đất đấu giá Hội Thợ bản Tự Nhiên, xã Đông Sang	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Tuyến đường khu quy hoạch đấu giá đường giao thông bản Áng, xã Đông Sang (giai đoạn 2)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ đường trục chính vào rừng thông ngoài phạm vi 40 m đến ngã 3 tiểu khu 34 (giáp nhà ông Khu)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã 3 tiểu khu 34 đến hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 36	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã 3 tiểu khu 34 đến hết cổng Công ty Hoa Nhiệt đới	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 202/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 20 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án khởi công mới bổ sung thực hiện trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số 95/TTr-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2023 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 541/BC-KTNS ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư 05 dự án khởi công mới bổ sung thực hiện trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, gồm:

1. Dự án Rà phá bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2023 - 2025;

2. Dự án Đầu tư nâng cấp và hiện đại hóa trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sơn La;

3. Dự án Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai sạt lở điểm TĐC Tền Pá Hu, bản Ta Mạ, xã Liệp Tè, huyện Thuận Châu;

4. Dự án Kè chống sạt lở khu Trung tâm hành chính huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La;

5. Dự án Thoát lũ Suối Hoa, huyện Vân Hồ (đoạn qua Bệnh viện Đa khoa huyện Vân Hồ).

(chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ HĐND và các đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTVQH;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Tư pháp;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Ban Thường vụ tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị xã hội tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

Phụ lục số 01
PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN:
RÀ PHÁ BOM Mìn, VẬT NỔ CÒN SÓT LẠI SAU CHIẾN TRANH
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA GIAI ĐOẠN 2023 - 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 202/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND tỉnh)

1. Mục tiêu đầu tư

Thu hẹp diện tích ô nhiễm bom mìn; khắc phục cơ bản sự tác động và hậu quả của bom mìn sau chiến tranh phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Giảm thiểu tai nạn do bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh gây ra, cải thiện môi trường sống, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân trong vùng; góp phần phục vụ đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng, thu hút đầu tư mang lại sự tăng trưởng cao và bền vững trên tất cả các lĩnh vực đồng thời phát huy các thế mạnh của địa phương.

2. Quy mô đầu tư

Rà phá trên diện tích 830 ha, trong đó: Huyện Mộc Châu: 371 ha (xã Phiêng Luông, xã Chiềng Khừa); huyện Yên Châu: 459 ha (xã Chiềng Hặc, xã Chiềng Đông, xã Sấp Vát).

3. Nhóm dự án: C

4. Tổng mức đầu tư dự án: 20.000 triệu đồng.

5. Cơ cấu nguồn vốn

Năm	Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh	Tổng cộng
2024 - 2025	20.000	20.000
Tổng	20.000	20.000

6. Địa điểm thực hiện dự án

Các xã: Phiêng Luông, Chiềng Khừa huyện Mộc Châu và Chiềng Hặc, Chiềng Đông, Sấp Vát huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2023 - 2025.

8. Tiến độ thực hiện dự án

- Năm 2023: Thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư.
- Năm 2024: Tổ chức thi công rà phá bom mìn, vật nổ một số khu vực, diện tích theo phương án kỹ thuật thi công đã được phê duyệt.
- Năm 2025: Quyết toán hoàn thành dự án./.

Phụ lục số 02**PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN: ĐẦU TƯ
NÂNG CẤP VÀ HIỆN ĐẠI HÓA TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
CHO BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH SƠN LA***(Kèm theo Nghị quyết số 202/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND tỉnh)***1. Mục tiêu đầu tư**

Đầu tư bổ sung trang thiết bị y tế hiện đại, công nghệ cao nhằm nâng cao chất lượng cấp cứu, khám, chữa bệnh (*đặc biệt là các bệnh lý Tim mạch*) tại bệnh viện Đa khoa tỉnh đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân các dân tộc trên địa bàn tỉnh, các tỉnh lân cận và các tỉnh phía bắc nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào đồng thời nâng cao năng lực cho cán bộ y tế của Bệnh viện đáp ứng yêu cầu là cơ sở đào tạo, thực hành cho các trường đại học khối ngành sức khỏe để đào tạo đại học, sau đại học. Đào tạo, chuyển giao kỹ thuật cho tuyển dưới và đảm bảo điều kiện để trở thành Bệnh viện Đa khoa trung tâm của tiểu vùng Tây Bắc theo quy hoạch.

2. Quy mô đầu tư: Đầu tư 05 chủng loại thiết bị, bao gồm:

- Hệ thống chụp mạch số hóa xóa nền (DSA) 1 bình diện: 01 Hệ thống.
- Máy bơm bóng đối xung: 01 máy.
- Máy siêu âm chuyên tim mạch: 01 máy.
- Holter điện tim 1 hệ thống gồm 4 đầu ghi và máy tính: 01 Hệ thống.
- Holter huyết áp 1 hệ thống gồm 2 đầu ghi và máy tính: 01 Hệ thống.

3. Nhóm dự án: Nhóm C.**4. Tổng vốn đầu tư dự kiến: 28.412 triệu đồng.**

5. Cơ cấu nguồn vốn: Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh, nguồn thu xổ số kiến thiết.

ĐVT: Triệu đồng

Năm	Tổng số	Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh	Nguồn thu xổ số kiến thiết
Năm 2023 - 2025	28.412	20.412	8.000
Tổng cộng	28.412	20.412	8.000

6. Phạm vi, địa điểm

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sơn La (*tổ 17, đường Lê Duẩn, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La*).

7. Thời gian thực hiện: Năm 2023 - 2025.**8. Tiến độ thực hiện**

- Năm 2023 - 2024: Hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư, thực hiện dự án.
- Năm 2025: Hoàn thành và quyết toán dự án./.

Phụ lục số 03
PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN:
BỐ TRÍ, SẮP XẾP DÂN CƯ VÙNG THIÊN TAI SẠT LỖ ĐẤT ĐIỂM
TĐC TÈN PÁ HU, BẢN TA MẠ, XÃ LIỆP TÈ, HUYỆN THUẬN CHÂU
(Kèm theo Nghị quyết số 202/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND tỉnh)

1. Mục tiêu đầu tư

Để bảo đảm ổn định đời sống lâu dài cho người dân, giúp người dân yên tâm lao động, sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, việc triển khai dự án Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai sạt lở điểm TĐC Tền Pá Hu, bản Ta Mạ, xã Liệp Tề, huyện Thuận Châu đến vị trí mới an toàn là rất cần thiết và cấp bách.

2. Quy mô đầu tư

- San nền nhà cho 34 hộ dân: Diện tích 300m²/01 hộ dân.
- Đường nội bộ chiều dài khoảng L = 2,4 Km (điểm đầu nối với cuối đường vào điểm; điểm cuối đến các hộ dân). Thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp C, mặt đường BTXM, TCVN 10380:2014.
- Đường vào điểm chiều dài khoảng L = 0,8 Km (điểm đầu nối với đường vào điểm TĐC Tền Pá Hu cũ đã có; điểm cuối đến đầu điểm TĐC mới). Thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp B, mặt đường BTXM, TCVN 10380:2014.
- Hệ thống cấp nước sinh hoạt cấp cho 34 hộ dân, theo tiêu chuẩn - TCXDVN 33-2006.
- Hệ thống điện: Đường dây 0,4kV dài khoảng 1,5 km.
- Nhà văn hóa: Quy mô 50 chỗ ngồi.
- Các hạng mục phụ trợ.

3. Nhóm dự án: Nhóm C

4. Tổng mức đầu tư dự án: 29.000 triệu đồng

5. Cơ cấu nguồn vốn

ĐVT: Triệu đồng

Năm	Tổng số	Nguồn vốn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh	Ghi chú
Năm 2023 - 2024	29.000	29.000	
Tổng	29.000	29.000	

6. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Liệp Tề, huyện Thuận Châu.

7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2023 - 2024.

8. Tiến độ thực hiện dự án

- Năm 2023: Chuẩn bị đầu tư và khởi công dự án.
- Năm 2024: Tiếp tục thực hiện dự án, hoàn thành và quyết toán dự án./.

Phụ lục số 04

**PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN: KÈ CHỐNG SẠT LỞ
KHU TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH HUYỆN SÓP CỘP, TỈNH SƠN LA**
(Kèm theo Nghị quyết số 202/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND tỉnh)

1. Mục tiêu đầu tư

Đầu tư dự án nhằm bảo vệ an toàn cho khu dân cư, các công trình cơ sở hạ tầng, cơ quan khu Trung tâm hành chính huyện, diện tích đất sản xuất nông nghiệp, ao nuôi trồng thủy sản, hoa màu của nhân dân được an toàn, ngăn chặn tình trạng mưa lũ xói mòn, sạt lở bờ suối, ô nhiễm nguồn nước tại khu vực dọc theo hai bên bờ suối Nậm Ban, Nậm Lạnh, Nậm Ca khu Trung tâm hành chính huyện góp phần ổn định đời sống nhân dân, góp phần ổn định an ninh, chính trị khu vực biên giới.

2. Quy mô đầu tư

Xây dựng 02 tuyến kè bảo vệ bờ suối Nậm Lạnh, Nậm Ca và Nậm Ban, tổng chiều dài kè BTCT khoảng 2,2 km:

+ Tuyến kè suối Nậm Lạnh, Nậm Ca: Điểm đầu đầu nối với phía hạ lưu cầu Nậm Ca, điểm cuối tại ngã ba suối (*suối Nậm Công*) chiều dài L = 1,05 km.

+ Tuyến kè suối Nậm Ban: Điểm đầu đầu nối với phía hạ lưu cầu Nậm Ban, điểm cuối tại ngã ba suối (*suối Nậm Công*) chiều dài L = 1,15 km.

+ Nạo vét, chỉnh trị lòng suối: Nậm Lạnh, Nậm Ca và Nậm Ban.

+ Đường sau kè: Xây dựng tuyến đường theo tiêu chuẩn TCVN 9162:2012 với Bn = 6 m, Bm = 5 m để phục vụ thi công và quản lý, vận hành sau khi công trình đưa vào khai thác sử dụng.

+ Các công trình hạ tầng kỹ thuật: Lan can bảo vệ và các hạng mục phụ trợ khác.

3. Nhóm dự án: Nhóm B**4. Tổng mức đầu tư dự án: 110.000 triệu đồng****5. Cơ cấu nguồn vốn:**

DVT: Triệu đồng

Năm	Tổng số	Nguồn vốn ngân sách tỉnh	Ghi chú
Năm 2023 - 2025	40.000	40.000	
Năm 2026	70.000	70.000	
Tổng cộng	110.000	110.000	

6. Địa điểm thực hiện dự án: Huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La.**7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2023 - 2026.**

8. Tiến độ thực hiện dự án

- Năm 2023: Hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư, khởi công dự án.
- Năm 2024 - 2025: Thực hiện dự án.
- Năm 2026: Hoàn thành và quyết toán dự án./.

Phụ lục số 05**PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN: THOÁT LŨ SUỐI HOA, HUYỆN VÂN HỒ (ĐOẠN QUA BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN VÂN HỒ).***(Kèm theo Nghị quyết số 202/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND tỉnh)***1. Mục tiêu đầu tư**

Đề đảm bảo an toàn tính mạng, đất đai, tài sản, kết cấu hạ tầng công cộng, hạ tầng dân sinh của các hộ dân; góp phần ổn định sản xuất, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời cải thiện môi trường, tạo cảnh quan cho khu vực đô thị mới đã được quy hoạch.

2. Quy mô đầu tư

- Nạo vét thành thải lòng suối từ vị trí nút (N99-N100) tới đầu khu vực quy hoạch bệnh viện Đa Khoa với chiều dài khoảng $L = 750$ m.

- Xây dựng mương thoát lũ dạng ngầm qua khu vực quy hoạch Bệnh viện Đa khoa với chiều dài khoảng $L = 650$ m.

3. Nhóm dự án: Nhóm C**4. Tổng mức đầu tư dự án: 40.000 triệu đồng****5. Cơ cấu nguồn vốn:***DVT: Triệu đồng*

Năm	Tổng số	Vốn ngân sách tỉnh chi đầu tư phát triển	Ghi chú
Năm 2023 - 2025	40.000	40.000	
Tổng	40.000	40.000	

6. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ.**7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2023 - 2025****8. Tiến độ thực hiện dự án**

- Năm 2023: Chuẩn bị đầu tư và khởi công dự án.

- Năm 2024: Tiếp tục thực hiện dự án.

- Năm 2025: Hoàn thành và quyết toán dự án./.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 204/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 20 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Đường từ Quốc lộ 6 qua tiểu khu Vườn Đào, thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu đến bản Thuông Công, xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến Luật Quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số 99/TTr-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 541/BC-KTNS ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đường từ Quốc lộ 6 qua tiểu khu Vườn Đào, thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu đến bản Thuông Công, xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ, như sau:

1. Mục tiêu đầu tư sau điều chỉnh

Đảm bảo hệ thống giao thông định hướng kết nối với khu công nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho môi trường đầu tư nhằm thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Đảm bảo phát triển kết cấu hạ tầng đô thị và quản lý đô thị theo quy hoạch; mở rộng phát triển đô thị, không gian kiến trúc cảnh quan,

hạ tầng đô thị hiện đại của huyện Mộc Châu nhằm phát triển kinh tế xã hội, đặc biệt là phát triển công nghiệp, du lịch.

2. Quy mô đầu tư sau điều chỉnh

Tổng chiều dài tuyến sau điều chỉnh 2,55 km. Trong đó:

- Điểm đầu: Đường Quốc lộ 6 phía trái tuyến tại vị trí (Km 181 + 467), thuộc địa phận tiểu khu Vườn Đào, thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu.

- Điểm cuối: Bản Thuông Cuông, xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ (cổng chính Khu công nghiệp Vân Hồ).

3. Cơ cấu nguồn vốn:

DVT: Triệu đồng

Năm	Tổng số	Nguồn vốn NS tỉnh (bổ sung cân đối)	Nguồn thu từ đất NS tỉnh	Ghi chú
Năm 2021	8.990	8.990		
Năm 2022 - 2023	35.960	9.730	26.230	
Tổng cộng	44.950	18.720	26.230	

4. Các nội dung khác

Giữ nguyên theo Phụ lục số 10 Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày 11 tháng 3 năm 2021 của HĐND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới kế hoạch đầu tư công năm 2021 (đợt 2).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTVQH;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Tư pháp;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Ban Thường vụ tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị xã hội tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 205/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 20 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh, phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương (đợt 8)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ BẢY**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 26 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc
hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công
nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ
tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số
973/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên
tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai
đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 144/2020/NQ-HĐND ngày 30 tháng 10 năm 2020 của
HĐND tỉnh Sơn La về ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư
công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025;*

*Xét Tờ trình số 96/TTr-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2023 của UBND tỉnh;
Báo cáo thẩm tra số 541/BC-KTNS ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Ban Kinh tế -
Ngân sách của HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025
nguồn vốn ngân sách địa phương (đợt 8), như sau:

1. Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn
ngân sách tỉnh chi đầu tư phát triển:

- Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách tỉnh chi đầu tư phát triển đã giao (*tại Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh*): 94.000 triệu đồng.

- Bổ sung 110.000 triệu đồng vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách tỉnh chi đầu tư phát triển (*từ nguồn kinh phí tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2022*).

- Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách tỉnh chi đầu tư phát triển sau điều chỉnh, bổ sung 204.000 triệu đồng.

(chi tiết tại Biểu số 01 kèm theo)

2. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025:

2.1. Tổng vốn điều chỉnh 185.646 triệu đồng, gồm:

- Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh 147.267 triệu đồng.
- Nguồn thu xổ số kiến thiết 8.220 triệu đồng.
- Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh 30.159 triệu đồng.

2.2. Phương án điều chỉnh

a) Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh

- Điều chỉnh giảm 147.267 triệu đồng, gồm:

(1) Điều chỉnh giảm 89.500 triệu đồng kế hoạch vốn giao thực hiện nhiệm vụ trả nợ gốc vốn vay dự kiến không sử dụng hết kế hoạch vốn giao.

(2) Điều chỉnh giảm 28.412 triệu đồng vốn đối ứng thực hiện dự án Đầu tư nâng cấp và hiện đại hóa trang thiết bị y tế cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La sử dụng nguồn vốn ODA của Chính phủ Áo đã dừng triển khai thực hiện.

(3) Điều chỉnh giảm 29.355 triệu đồng kế hoạch vốn giao của 01 dự án điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn (*dự án đường từ Quốc lộ 6 qua tiểu khu vườn đào, thị trấn nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu đến bản Thông Công, xã Vân Hồ huyện Vân Hồ*) và 01 dự án hoàn thành hết nhu cầu sử dụng vốn (*dự án tuyến đường từ Quốc lộ 6 đi trung tâm xã Chiềng Đen, thành phố*).

- Số vốn sau điều chỉnh giảm 147.267 triệu đồng thực hiện:

(1) Bổ sung 30.000 triệu đồng thực hiện dự án tuyến đường Hoàng Quốc Việt - Mé Ban - Trần Đăng Ninh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

(2) Phân bổ 101.895 triệu đồng cho 05 dự án khởi công mới theo chủ trương đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(3) Để lại phân bổ chi tiết sau 15.372 triệu đồng.

b) Nguồn thu xổ số kiến thiết

Điều chỉnh giảm 8.220 triệu đồng kế hoạch vốn giao của 01 dự án hoàn thành hết nhu cầu sử dụng vốn và 02 dự án chưa cấp thiết. Số vốn điều chỉnh giảm 8.220 triệu đồng thực hiện phân bổ 01 dự án đang triển khai thực hiện còn thiếu vốn và khởi công mới dự án Đầu tư nâng cấp và hiện đại hóa trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Đa khoa Sơn La.

c) Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh

- Điều chỉnh giảm 30.159 triệu đồng kế hoạch vốn giao của 01 dự án do hoàn thành hết nhu cầu sử dụng vốn và 01 dự án đã được đầu tư bằng nguồn vốn khác;

- Số vốn sau điều chỉnh giảm 30.159 triệu đồng thực hiện:

(1) Phân bổ 26.389 triệu đồng cho 01 dự án hoàn thành còn thiếu vốn, 01 dự án điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn;

(2) Để lại phân bổ chi tiết sau: 3.770 triệu đồng.

(chi tiết tại Biểu số 02, 03, 04 kèm theo)

3. Phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách tỉnh chi đầu tư phát triển

3.1. Tổng vốn phân bổ 110.000 triệu đồng *(nguồn ngân sách tỉnh chi đầu tư phát triển được bổ sung từ nguồn kinh phí tiết kiệm chi ngân sách tỉnh)*.

3.2. Phương án phân bổ: Phân bổ 110.000 triệu đồng thực hiện 06 dự án khởi công mới theo chủ trương đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(chi tiết tại Biểu số 05 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Tư pháp;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Ban Thường vụ tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị xã hội tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

Biểu số 01

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN
2021 - 2025 CÁC NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN**
(Kèm theo Nghị quyết số 205/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú
		Kế hoạch được duyệt tại Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 07/12/2021	Phương án điều chỉnh, bổ sung		Kế hoạch đầu tư công trung hạn sau điều chỉnh, bổ sung	
			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
	Tổng số	94.000	0	110.000	204.000	
1	Nguồn ngân sách tỉnh chi đầu tư phát triển	94.000		110.000	204.000	

Biểu số 02

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 NGUỒN BỔ SUNG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH**
(Kèm theo Nghị quyết số 205/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án			Phương án điều chỉnh					Ghi chú
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 được duyệt		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh	
				Tổng số <i>(tất cả các nguồn vốn)</i>	Trong đó: Nguồn BSCĐ	Tổng số	TĐ: Kế hoạch đã giao kế hoạch đến thời điểm báo cáo				
	Tổng số			675.967	216.845	228.362	88.140	147.267	147.267	228.362	
I	Điều chỉnh giảm			308.822	114.950	228.362	88.140	147.267		81.095	
I.1	Trả nợ gốc vốn vay và hoàn trả các khoản tạm vay					115.000	8.532	89.500		25.500	
-	Trả nợ gốc vốn vay					115.000	8.532	89.500		25.500	
I.2	Đối ứng dự án ODA			223.872	30.000	28.412		28.412			
*	Y tế dân số và gia đình			223.872	30.000	28.412		28.412			
1	Đầu tư nâng cấp và hiện đại hóa trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sơn La	Sở Y tế	1600 ngày 17/10/2017	223.872	30.000	28.412		28.412			
I.3	Thực hiện dự án			84.950	84.950	84.950	79.608	29.355		55.595	
*	Giao thông			84.950	84.950	84.950	79.608	29.355		55.595	
1	Đường từ Quốc lộ 6 qua tiểu khu vườn đào, thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu đến bản Thông Cuông, xã Vân Hồ huyện Vân Hồ	UBND huyện Mộc Châu	1093 ngày 31/5/2021	44.950	44.950	44.950	42.734	26.230		18.720	
2	Tuyến đường từ Quốc lộ 6 đi trung tâm xã Chiềng Đen, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	UBND thành phố	1025 ngày 27/5/2021	40.000	40.000	40.000	36.874	3.125		36.875	
II	Điều chỉnh tăng			367.145	101.895				147.267	147.267	
II.1	Thực hiện dự án			367.145	101.895				131.895	131.895	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án		Phương án điều chỉnh						Ghi chú
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 được duyệt		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh	
				Tổng số <i>(tất cả các nguồn vốn)</i>	Trong đó: Nguồn BSCĐ	Tổng số	TĐ: Kế hoạch đã giao kế hoạch đến thời điểm báo cáo				
*	Giao thông			179.733	19.733				49.733	49.733	
1	Dự án tuyến đường Hoàng Quốc Việt - Mé Ban - Trần Đăng Ninh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	UBND thành phố	1051 ngày 30/5/2021	160.000					30.000	30.000	
2	Tuyến đường giao thông từ ban Pho Pha, xã Cà Nàng, huyện Quỳnh Nhai đến bản Huổi Pha, xã Nậm Hăn, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu	UBND huyện Quỳnh Nhai	1263 ngày 12/7/2023	19.733	19.733				19.733	19.733	
*	Nông, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản			139.000	41.750				41.750	41.750	
3	Dự án Kè chống sạt lở khu trung tâm hành chính huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La		202 NQ-HĐND ngày 20/7/2022	110.000	12.750				12.750	12.750	
4	Dự án Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai sạt lở đất điểm TĐC Tền Pá Hu, xã Liệp Tè, huyện Thuận Châu		202 NQ-HĐND ngày 20/7/2022	29.000	29.000				29.000	29.000	
*	Quốc phòng			20.000	20.000				20.000	20.000	
5	Dự án rà phá bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2023 - 2025		202 NQ-HĐND ngày 20/7/2022	20.000	20.000				20.000	20.000	
*	Y tế dân số và gia đình			28.412	20.412				20.412	20.412	
7	Dự án đầu tư nâng cấp và hiện đại hóa trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sơn La		202 NQ-HĐND ngày 20/7/2022	28.412	20.412				20.412	20.412	
II.2	Phân bổ chi tiết sau								15.372	15.372	

Biểu số 03

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 NGUỒN THU XỔ SỔ KIẾN THIẾT**

(Kèm theo Nghị quyết số 205/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án			Phương án điều chỉnh						Ghi chú
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 được duyệt		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn thu XSKT	Tổng số	TĐ: Kế hoạch đã giao kế hoạch đến thời điểm báo cáo					
	Tổng số			48.048	27.636	19.416	11.074	8.220	8.220	12.000		
I	Điều chỉnh giảm			15.636	15.636	15.636	7.294	8.220				
*	Y tế dân số và gia đình			15.636	15.636	15.636	7.294	8.220				
1	Trạm Y tế phường Chiềng An	UBND thành phố Sơn La	1085 ngày 31/5/2021	7.636	7.636	7.636	7.294	220				
2	Trạm Y tế xã Quang Huy	UBND huyện Phù Yên	1649 ngày 12/7/2021	4.000	4.000	4.000		4.000				
3	Trạm Y tế xã Huy Bắc	UBND huyện Phù Yên	1655 ngày 12/7/2021	4.000	4.000	4.000		4.000				
II	Điều chỉnh tăng			32.412	12.000	3.780	3.780		8.220	12.000		
*	Y tế dân số và gia đình			32.412	12.000	3.780	3.780		8.220	12.000		
1	Mở rộng, bổ sung cơ sở vật chất cơ sở điều trị Methadone	Sở Y tế	2872 ngày 23/11/2021	4.000	4.000	3.780	3.780		220	4.000		
2	Dự án đầu tư nâng cấp và hiện đại hóa trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sơn La		202 NQ-HĐND ngày 20/7/2022	28.412	8.000				8.000	8.000		

Biểu số 04

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 NGUỒN THU XỔ SỔ KIẾN THIẾT**

(Kèm theo Nghị quyết số 205/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án			Phương án điều chỉnh					Ghi chú
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 được duyệt		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 sau điều chỉnh	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn thu TSDD NST	Tổng số	TĐ: Kế hoạch đã giao kế hoạch đến thời điểm báo cáo				
	Tổng số			398.092	316.702	179.691	58.503	30.159	30.159	179.691	
I	Điều chỉnh giảm			249.999	168.609	168.609	56.622	30.159		138.450	
*	Giao thông			249.999	168.609	168.609	56.622	30.159		138.450	
1	Dự án tuyến đường Hoàng Quốc Việt - Mé Ban - Trần Đăng Ninh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	UBND thành phố	1051 ngày 30/5/2021	160.000	160.000	160.000	48.193	30.000		130.000	
2	Đường Mường Khoa - Tạ Khoa, Huyện Bắc Yên	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông	2518 ngày 26/10/2016	89.999	8.609	8.609	8.429	159		8.450	
II	Điều chỉnh tăng			148.093	148.093	11.082	1.881		30.159	41.241	
*	Giao thông			148.093	148.093	1.881	1.881		26.389	28.270	
1	Hệ thống đường giao thông lô 1, lô 2 khu đô thị mới dọc suối Nậm La, thành phố Sơn La	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông	1942 ngày 07/8/2018	103.143	103.143	1.881	1.881		159	2.040	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án			Phương án điều chỉnh					Ghi chú
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 được duyệt		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 sau điều chỉnh	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn thu TSDĐ NST	Tổng số	TĐ: Kế hoạch đã giao kế hoạch đến thời điểm báo cáo				
2	Đường từ Quốc lộ 6 qua tiểu khu vườn đào, thị trấn nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu đến bản Thông Công, xã Vân Hồ huyện Vân Hồ	UBND huyện Mộc Châu	1093 ngày 31/5/2021	44.950	44.950				26.230	26.230	
*	Chưa phân bổ chi tiết					9.201			3.770	12.971	

Biểu số 05
PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
(Kèm theo Nghị quyết số 205/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án			Nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách tỉnh chi đầu tư phát triển	Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Dự kiến tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TB: Nguồn NST CĐTPT		
	Tổng số		192.750	110.000	122.750	110.000	110.000	
*	Nông, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản		150.000	67.250	80.000	67.250	67.250	
1	Dự án Kè chống sạt lở khu trung tâm hành chính huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La	202 NQ-HĐND ngày 20/7/2022	110.000	27.250	40.000	27.250	27.250	
2	Dự án Thoát lũ Suối Hoa, huyện Vân Hồ (đoạn qua Bệnh viện đa khoa huyện Vân Hồ)	202 NQ-HĐND ngày 20/7/2022	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	
*	Công nghệ thông tin		10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	
3	Dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Sơn La, giai đoạn 2021 - 2025	1260 ngày 12/7/2023	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	
*	Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp		32.750	32.750	32.750	32.750	32.750	
4	Dự án bổ sung cơ sở vật chất cho Trung tâm GDTX tỉnh Sơn La	1262 ngày 12/7/2023	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	
5	Dự án bổ sung cơ sở vật chất cho trường THPT Chuyên Sơn La	1261 ngày 12/7/2023	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	
6	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho trường Chính trị tỉnh Sơn La đạt chuẩn giai đoạn 2021 - 2025. Công trình Nhà thi đấu đa năng 1 tầng	1264 ngày 12/7/2023	8.750	8.750	8.750	8.750	8.750	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 206/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 20 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh, phân bổ chi tiết kế hoạch
đầu tư công năm 2023 nguồn vốn ngân sách địa phương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ BẢY**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 26 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số
163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi
hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Xét Tờ trình số 94/TTr-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2023 của UBND tỉnh;
Báo cáo thẩm tra số 541/BC-KTNS ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Ban Kinh tế -
Ngân sách của HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh, như sau:

1. Tổng vốn điều chỉnh 1.662 triệu đồng.
2. Phương án điều chỉnh

Điều chỉnh giảm 1.662 triệu đồng kế hoạch vốn giao 01 của dự án hoàn thành không còn nhu cầu sử dụng vốn. Số vốn sau điều chỉnh giảm 1.662 triệu đồng phân bổ thực hiện 01 dự án chuyển tiếp có khả năng hoàn thành giải ngân hết kế hoạch vốn giao. *(chi tiết tại Biểu số 01 kèm theo)*

Điều 2. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn vốn ngân sách địa phương như sau:

1. Tổng vốn điều chỉnh 115.287 triệu đồng. Trong đó:

- Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh 114.200 triệu đồng.
- Nguồn thu xổ số kiến thiết 248 triệu đồng.
- Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh 839 triệu đồng.

2. Phương án điều chỉnh

2.1. Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh

- Điều chỉnh giảm 114.200 triệu đồng của 01 dự án hoàn thành không còn nhu cầu sử dụng vốn và 28 dự án chậm tiến độ, dự án lồng ghép bố trí bằng các nguồn vốn khác.

- Số vốn sau điều chỉnh giảm 114.200 triệu đồng thực hiện:

(1) Phân bổ 200 triệu đồng thực hiện trả nợ gốc vốn vay;

(2) Phân bổ 114.000 triệu đồng thực hiện 10 dự án chuyển tiếp có tiến độ thực hiện tốt, có nhu cầu bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện, có khả năng giải ngân trong năm 2023 và 01 dự án khởi công mới đủ thủ tục đầu tư.

2.2. Nguồn thu xổ số kiến thiết

Điều chỉnh giảm 248 triệu đồng kế hoạch vốn giao của 01 dự án hoàn thành không còn nhu cầu sử dụng vốn; Số vốn sau điều chỉnh giảm 248 triệu đồng phân bổ thực hiện 02 dự án chuyển tiếp cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện, có khả năng thực hiện, giải ngân trong năm 2023.

2.3. Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh

Điều chỉnh giảm 839 triệu đồng kế hoạch vốn giao của 02 dự án hoàn thành không còn nhu cầu sử dụng vốn; Số vốn sau điều chỉnh giảm 839 triệu đồng phân bổ thực hiện 01 dự án chuyển tiếp. *(chi tiết tại Biểu số 02 kèm theo)*

Điều 3. Phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh:

1. Tổng vốn phân bổ: 13.250 triệu đồng.

2. Phương án phân bổ

Phân bổ chi tiết 13.250 triệu đồng thực hiện 05 dự án hoàn thành và 02 dự án chuyển tiếp theo tiến độ. *(chi tiết tại Biểu số 03 kèm theo)*

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTVQH;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Tư pháp;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Ban Thường vụ tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị xã hội tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

Biểu số 01
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 ĐƯỢC PHÉP Kéo dài THỜI GIAN THỰC HIỆN
VÀ GIẢI NGÂN THANH TOÁN SANG NĂM 2023 NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NGÂN SÁCH TỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 206/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế KLHT đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn giao đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch năm 2023				Phương án điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch vốn kéo dài	Giải ngân thanh toán đến ngày 30/6/2023		Kế hoạch vốn còn lại	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
				Tổng số	TĐ: Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh				Tổng số	Tỷ lệ					
	Tổng số			851.684	36.118	800.294	809.152	2.988	249	0	2.739	1.662	1.662	2.988	
I	Điều chỉnh giảm			842.284	26.718	795.294	806.152	2.988	249	0	2.739	1.662	1.662	1.326	
*	Công nghiệp, điện			842.284	26.718	795.294	806.152	2.988	249	0	2.739	1.662	1.662	1.326	
1	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Sơn La giai đoạn 2016 - 2020	Sở Công thương	2634 ngày 30/10/2015	842.284	26.718	795.294	806.152	2.988	249	8%	2.739	1.662	1.662	1.326	
II	Điều chỉnh tăng			9.400	9.400	5.000	3.000	-	-	-	-	1.662	1.662	1.662	
*	Hoạt động các cơ quan quản lý nhà nước			9.400	9.400	5.000	3.000					1.662	1.662	1.662	
1	Trụ sở Đảng ủy, HĐND - UBND xã Chiềng Ân, Mường La	UBND huyện Mường La	1681 ngày 12/7/2021	9.400	9.400	5.000	3.000					1.662	1.662	1.662	

Biểu số 02
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Nghị quyết số 206/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế KLHT đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn giao đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch năm 2023				Phương án điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch vốn giao	Giải ngân thanh toán đến ngày 30/6/2023		Kế hoạch vốn còn lại	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
				Tổng số	TĐ: NST				Tổng số	Tỷ lệ					
	Tổng số			2.258.848	1.848.823	718.916	1.143.029	493.382	157.007		336.376	115.287	115.287	493.382	
A	NGUỒN BỔ SUNG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH			2.215.812	1.806.007	689.082	1.106.871	486.162	152.442		333.720	114.200	114.200	486.162	-
I	Điều chỉnh giảm			1.287.080	977.072	424.876	730.749	345.482	38.018		307.464	114.200		231.282	
*	Chủ đầu tư đề nghị thu hồi			73.000	73.000	68.324	70.083	11.008	6.101		4.907	1.759		9.249	
1	Dự án hoàn thiện tiêu chí hạ tầng kinh tế - xã hội về trường học của các xã chưa đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới huyện Quỳnh Nhai	UBND huyện Quỳnh Nhai	1015 ngày 27/5/2021	33.000	33.000	31.450	33.000	10.340	5.701	55%	4.639	1.550		8.790	
2	Tuyến đường từ QL6 đi trung tâm xã Chiềng Đen, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	UBND thành phố	1025 ngày 27/5/2021	40.000	40.000	36.874	37.083	668	399	60%	269	209		459	
*	Dự án chuyển tiếp giải ngân dưới 50% kế hoạch vốn giao			1.214.080	904.072	356.552	660.666	334.474	31.917	3	302.557	112.441	-	222.033	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế KLHT đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn giao đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch năm 2023				Phương án điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch vốn giao	Giải ngân thanh toán đến ngày 30/6/2023		Kế hoạch vốn còn lại	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
				Tổng số	TĐ: NST				Tổng số	Tỷ lệ					
1	Đường từ QL6 qua tiểu khu vườn đào, thị trấn nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu đến bản Thông Cuông, xã Vân Hồ huyện Vân Hồ	UBND huyện Mộc Châu	1093 ngày 31/5/2021	44.950	44.950	16.504	42.734	26.230			26.230	26.230		-	
2	Dự án đầu tư xây dựng các nhà văn hóa bản hoàn thiện tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa cho các xã chưa đạt tiêu chuẩn xây dựng nông thôn mới huyện Quỳnh Nhai	UBND huyện Quỳnh Nhai	1016 ngày 27/5/2021	16.500	14.850	14.338	14.850	512			512	512		-	
3	Nâng cấp tuyến đường 26/7 đi tiểu khu 77, thị trấn nông trường Mộc Châu	UBND huyện Mộc Châu	2176 ngày 09/9/2021	95.000	88.000	22.995	35.200	13.200	995	8%	12.205	2.440		10.760	
4	Bố trí sắp xếp dân cư bản Ta Lát, xã Mường Cai, huyện Sông Mã	UBND huyện Sông Mã	1071 ngày 31/5/2021; 1336 ngày 18/6/2021	20.900	13.000	9.162	13.000	5.640	1.802	32%	3.838	770		4.870	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế KLHT đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn giao đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch năm 2023				Phương án điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch vốn giao	Giải ngân thanh toán đến ngày 30/6/2023		Kế hoạch vốn còn lại	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
			Tổng số	TĐ: NST					Tổng số	Tỷ lệ					
5	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Cong, xã Quang Minh, huyện Vân Hồ	UBND huyện Vân Hồ	1066 ngày 31/5/2021	7.184	7.184	3.614	6.491	3.614	736	20%	2.878	580		3.034	
6	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Phát, xã Cà Nàng	UBND huyện Quỳnh Nhai	1070 ngày 31/5/2021	19.553	13.818	10.585	13.818	5.998	2.765	46%	3.233	650		5.348	
7	Thủy lợi bản Tình, huyện Mai Sơn	Công ty TNHH MTV quản lý khai thác các công trình thủy lợi	1078 ngày 31/5/2021	9.121	9.121	6.058	9.121	4.168	1.105	27%	3.063	610		3.558	
9	Hồ Lăng Luông, xã Phổng Lăng	Ban QLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	1062 ngày 31/5/2021	70.842	70.842	41.440	70.842	29.402			29.402	5.880		23.522	
10	Bố trí ổn định dân cư bản Huổi Nạ, xã Hua Trai, huyện Mường La.	UBND huyện Mường La	2895 ngày 24/11/2021	19.250	11.550	8.780	11.550	2.770			2.770	550		2.220	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế KLHT đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn giao đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch năm 2023				Phương án điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch vốn giao	Kế hoạch vốn còn lại	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng				
				Tổng số	TB: NST										
												Giải ngân thanh toán đến ngày 30/6/2023	Tổng số		
11	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai sạt lở đất bản Huổi Sói, xã Chiềng Ngâm, huyện Thuận Châu	UBND huyện Thuận Châu	3075 ngày 14/12/2021	17.220	10.330	8.430	10.330	1.900			1.900	380		1.520	
12	Nước sinh hoạt liên bản: Bản Púng Tòng, bản Phồng, bản Long Tòng, bản Lạnh, bản Cang và các cơ quan, đơn vị tại trung tâm xã Nậm Lạnh, huyện Sốp Cộp.	UBND huyện Sốp Cộp	1065 ngày 31/5/2021	14.500	14.500	12.244	14.500	4.290	2.034	47%	2.256	450		3.840	
13	Cấp nước sinh hoạt cho xã Tà Xùa, Phiêng Ban và các vùng lân cận, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La	UBND huyện Bắc Yên	1064 ngày 31/5/2021	40.000	40.000	38.610	40.000	2.600	1.210	47%	1.390	280		2.320	
14	Đường từ Quốc lộ 43 đi khu dân cư và khu dân sản xuất bản Là Ngà 2, xã Mường Sang, tỉnh Sơn La	UBND huyện Mộc Châu	1087 ngày 31/5/2021	26.622	26.622	13.516	26.622	14.342	1.236	9%	13.106	2.620		11.722	
15	Đường giao thông kết nối điểm du lịch rừng sinh thái Pa Cốp xã Vân Hồ với trung tâm xã Chiềng Xuân, huyện Vân Hồ	UBND huyện Vân Hồ	1088 ngày 31/5/2021	59.939	59.939	14.498	23.139	9.200	558	6%	8.642	1.730		7.470	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế KLHT đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn giao đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch năm 2023				Phương án điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch vốn giao	Giải ngân thanh toán đến ngày 30/6/2023		Kế hoạch vốn còn lại	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
				Tổng số	TĐ: NST				Tổng số	Tỷ lệ					
16	Di chuyển đường dây 110kV, 35kV mạch kép đoạn Bệnh viện Đa khoa Sơn La - TBA 110kV Chiềng Sinh	Sở Công thương	2335 ngày 24/9/2021	59.500	59.500	20.580	59.500	42.250	3.330	8%	38.920	7.780		34.470	
17	Tiểu dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Sơn La	Sở Công thương	2831 ngày 18/11/2021	420.000	160.000	13.186	50.979	37.793			37.793	33.200		4.593	
18	Lập quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1166 ngày 10/6/2020	54.109	54.109	21.544	40.487	28.157	10.771	38%	17.386	6.023		22.134	
19	Khu di tích lịch sử ngã ba Cò Nòi, huyện Mai Sơn	UBND huyện Mai Sơn	1091 ngày 31/5/2021	61.319	50.000	4.589	48.056	45.762	2.295	5%	43.467	8.996		36.766	
20	Bảo tồn, tôn tạo khu di tích lịch sử Cây Me - nơi thành lập Chi bộ đầu tiên của Đảng bộ tỉnh Sơn La	UBND huyện Mai Sơn	2782 ngày 15/11/2021	14.330	14.330	766	3.766	3.000			3.000	600		2.400	
21	Dự án bổ sung cơ sở vật chất cho trường THPT Thảo nguyên, huyện Mộc Châu	Sở Giáo dục và Đào tạo	245 ngày 11/02/2022	20.900	20.900	563	5.153	4.590			4.590	920		3.670	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế KLHT đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn giao đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch năm 2023				Phương án điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Ghi chú	
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch vốn giao	Giải ngân		Kế hoạch vốn còn lại	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			
				Tổng số	TĐ: NST				Kế hoạch vốn giao	Tổng số						Tỷ lệ
22	Dự án cải tạo, nâng cấp cụm khu vũ khí đạn (K4)	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	121 ngày 30/5/2021	41.000	41.000	22.147	41.000	19.060	207	1%	18.853	3.770	15.290			
23	Dự án nhà ở và làm việc cán bộ, chiến sỹ + các công trình phụ trợ cửa khẩu phụ Nà Cài	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	782 ngày 27/4/2021	9.200	9.200	5.257	9.200	4.630	687	15%	3.943	790	3.840			
24	Dự án rà phá, bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2023	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	1061 ngày 31/5/2021	27.685	27.685	25.683	27.685	2.002			2.002	400	1.602			
25	Kho hạ tải và bãi tạm giữ phương tiện công an tỉnh Sơn La	Công an tỉnh Sơn La	1100 ngày 31/5/2021	26.456	26.456	11.685	26.456	16.018	1.247	8%	14.771	5.000	11.018			
26	Đầu tư xây dựng bổ sung nhà làm việc, nhà gấp phạm nhân thuộc Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La	Công an tỉnh Sơn La	2654 ngày 31/10/2021	7.000	7.000	4.000	7.000	3.000			3.000	600	2.400			
27	Bổ sung cơ sở vật chất cho Trung tâm Y tế Mộc Châu	UBND huyện Mộc Châu	1861 ngày 02/8/2021	11.000	9.186	5.777	9.186	4.346	937	22%	3.409	680	3.666			

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế KLHT đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn giao đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch năm 2023				Phương án điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	TĐ: NST		Kế hoạch vốn giao	Tổng số	Tỷ lệ	Kế hoạch vốn còn lại	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
II	Điều chỉnh tăng			928.732	828.935		264.206	376.122	114.424		26.256		114.200	254.880	
*	Trả nợ gốc vốn vay và các khoản tạm vay							8.532			3.400		200	3.600	
1	Trả nợ gốc vốn vay							8.532			3.400		200	3.600	
*	Thực hiện dự án			928.732	828.935		264.206	367.590	114.424	6	22.856	-	114.000	251.280	
1	Kè chống lũ, sạt lở đất và hạ tầng kỹ thuật khu dân cư dọc Suối Muội, huyện Thuận Châu (giai đoạn II)	UBND huyện Thuận Châu	2651 ngày 31/10/2021	70.000	60.000		35.400	35.400	8.340	99%	60		10.000	18.400	
3	Hệ thống thoát nước đô thị Mộc Châu	UBND huyện Mộc Châu	2759 ngày 11/11/2021	50.000	50.000		11.923	20.240	5.856	79%	1.584		1.000	8.440	
4	Đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật Đô thị Mộc Châu, huyện Mộc Châu	UBND huyện Mộc Châu	2887 ngày 24/11/2021	180.000	94.000		15.721	56.424	6.286	67%	3.114		10.000	19.400	
5	Đường giao thông xã Mường Bù, xã Mường Chùm (huyện Mường La) - xã Chiềng Sung (huyện Mai Sơn)	UBND huyện Mường La	2816 ngày 17/11/2021	34.000	34.000		13.050	15.360	2.350	50%	2.310		2.000	6.660	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế KLHT đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn giao đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch năm 2023				Phương án điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch vốn giao	Giải ngân thanh toán đến ngày 30/6/2023		Kế hoạch vốn còn lại	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
				Tổng số	TĐ: NST				Tổng số	Tỷ lệ					
6	Đường giao thông từ trung tâm xã Chiềng Muôn - Chiềng Ân, huyện Mường La	UBND huyện Quỳnh Nhai	2817 ngày 24/11/2021	45.000	45.000	17.568	20.520	6.120	3.168	52%	2.952		2.000	8.120	
7	Nâng cấp tuyến đường từ xã Púng Bính, huyện Sốp Cộp - xã Đứa Mòn, huyện Sông Mã	UBND huyện Sốp Cộp	2701 ngày 05/11/2021; 1629 ngày 09/8/2022	24.950	21.153	12.257	12.257	4.230	2.467	58%	1.763		4.000	8.230	
8	Đầu tư xây dựng công trình trụ sở làm việc công an xã, thị trấn thuộc công an các huyện trên địa bàn tỉnh Sơn La	Công an tỉnh Sơn La	2800 ngày 15/11/2021	170.000	170.000		38.030	37.030	37.030	100%			20.000	57.030	
9	Chỉnh trang đô thị dọc đường Điện Biên	UBND thành phố	1090 ngày 31/5/2021	158.782	158.782	110.094	121.166	60.000	48.928	82%	11.072		30.000	90.000	
10	Dự án tuyến đường Hoàng Quốc Việt - Mé Ban - Trần Đăng Ninh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	UBND thành phố	1051 ngày 30/5/2021	160.000	160.000	48.193	48.193						30.000	30.000	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế KLHT đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn giao đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch năm 2023				Phương án điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	TĐ: NST			Kế hoạch vốn giao	Giải ngân thanh toán đến ngày 30/6/2023	Tỷ lệ	Kế hoạch vốn còn lại	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
11	Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch cho một số cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La (giai đoạn I)	UBND huyện Yên Châu	1230 ngày 09/7/2023	36.000	36.000								5.000	5.000	
B	NGUỒN THU XỐ SÓ KIẾN THIẾT			14.636	14.416	6.672	14.158	4.686	3.022	0	1.664	248	248	4.686	
I	Điều chỉnh giảm			7.636	7.636	-	7.514	2.106	944	0	1.162	248	-	1.858	
1	Trạm Y tế phường Chiềng An	UBND thành phố	1085 ngày 31/5/2021	7.636	7.636		7.514	2.106	944	45%	1.162	248		1.858	
II	Điều chỉnh tăng			7.000	6.780	6.672	6.644	2.580	2.078		502	-	248	2.828	
1	Mở rộng, bổ sung cơ sở vật chất cơ sở điều trị Methadone	Sở Y tế	2872 ngày 23/11/2021	4.000	3.780	3.780	3.780	2.580	2.078	81%	502		220	2.800	
2	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp nhà khám chữa bệnh khu B, bệnh viện Phong và da liễu tỉnh Sơn La	Bệnh viện Phong và Da liễu	2383 ngày 29/9/2021	3.000	3.000	2.892	2.864						28	28	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế KLHT đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn giao đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch năm 2023				Phương án điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch vốn giao	Giải ngân thanh toán đến ngày 30/6/2023		Kế hoạch vốn còn lại	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
				Tổng số	TĐ: NST				Tổng số	Tỷ lệ					
C	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT			28.400	28.400	23.161	22.000	2.534	1.543	-	991	839	839	2.534	
I	Điều chỉnh giảm			19.000	19.000	18.161	19.000	2.534	1.543		991	839	-	1.695	
1	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND xã Nà Mường, huyện Mộc Châu	UBND huyện Mộc Châu	1104 ngày 31/5/2021	9.500	9.500	9.059	9.500	1.984	1.543	78%	441	441		1.543	
2	Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND xã Chiềng Ôn	UBND huyện Quỳnh Nhai	1018 ngày 27/5/2021	9.500	9.500	9.102	9.500	550			550	398		152	
II	Điều chỉnh tăng			9.400	9.400	5.000	3.000	-	-	-	-	-	839	839	
1	Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND xã Chiềng An, Mường La	UBND huyện Mường La	1681 ngày 12/7/2021	9.400	9.400	5.000	3.000						839	839	

Biểu số 03
PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023
NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NGÂN SÁCH TỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 206/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng									
STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh		Kế hoạch năm 2023	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	TĐ: Ngân sách tỉnh	Tổng số	TĐ: Đã giao đến ngày 30/6/2023		
	Tổng số			166.441	160.043	43.380	21.314	13.250	
*	Giao thông			103.143	103.143	2.040	1.881	159	
1	Hệ thống đường giao thông Lô 1, Lô 2 khu đô thị mới dọc suối Nậm La, TP Sơn La	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông	1942 ngày 07/8/2018	103.143	103.143	2.040	1.881	159	
*	Hoạt động các cơ quan quản lý nhà nước			63.298	56.900	41.340	19.433	13.091	
1	Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND xã Mường Bám, Thuận Châu	UBND huyện Thuận Châu	1095 ngày 31/5/2021	11.398	9.500	5.610	2.760	2.850	
2	Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND xã Co Mạ	UBND huyện Thuận Châu	1102 ngày 31/5/2021	9.500	9.500	5.610	2.760	2.827	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh		Kế hoạch năm 2023	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	TD: Ngân sách tỉnh			
				Tổng số	TD: Ngân sách tỉnh					
								Tổng số		
3	Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND xã Mường É	UBND huyện Thuận Châu	1052 ngày 30/5/2021	14.000	9.500	5.610	5.153	457		
4	Trụ sở Đảng ủy, HĐND - UBND thị trấn Mộc Châu	UBND huyện Mộc Châu	1101 ngày 31/5/2021	9.500	9.500	5.610	2.760	2.176		
5	Trụ sở Đảng ủy, HĐND - UBND xã Quang Minh	UBND huyện Vân Hồ	1671 ngày 12/7/2021	9.500	9.500	9.500	3.000	2.391		
6	Trụ sở Đảng ủy, HĐND - UBND xã Mường Chanh	UBND huyện Mai Sơn	1673 ngày 12/7/2021	9.400	9.400	9.400	3.000	2.390		

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 207/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 20 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua Đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch
chi tiết xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ BẢY**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Xây dựng sửa đổi
ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính
phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số
35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số
điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính
phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế; Quyết định số 1107/QĐ-
TTg ngày 21 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy
hoạch phát triển các khu công nghiệp ở Việt Nam đến năm 2015 và định hướng
đến năm 2020;*

*Xét Tờ trình số 88/TTr-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của UBND tỉnh;
Báo cáo thẩm tra số 541/BC-KTNS ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Ban Kinh tế -
Ngân sách của HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng
Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

(có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Trong quá trình thực hiện quy hoạch chi tiết xây dựng, UBND tỉnh có
thể xem xét điều chỉnh một số chỉ tiêu quy hoạch để phù hợp với điều kiện phát

triển khu công nghiệp, thu hút đầu tư trên cơ sở không làm thay đổi mục tiêu, tính chất, quy mô quy hoạch; Trường hợp việc điều chỉnh làm thay đổi mục tiêu, tính chất, quy mô quy hoạch được duyệt, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung Nghị quyết.

3. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTƯQH;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Xây dựng;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Ban Thường vụ tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị xã hội tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

Phụ lục
NỘI DUNG ĐỒ ÁN ĐIỀU CHỈNH TỔNG THỂ QUY HOẠCH CHI TIẾT
XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHIỆP MAI SƠN, TỈNH SƠN LA
(Kèm theo Nghị quyết số 207/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND tỉnh)

1. Tên đồ án

Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết xây dựng khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

2. Địa điểm: Xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

3. Quy mô lập quy hoạch

- Quy mô lập quy hoạch: Khoảng 168,11 ha, trong đó:

+ Khu công nghiệp Mai Sơn: Khoảng 150,0 ha (*giữ nguyên theo Quyết định số 1107/QĐ-TTg ngày 21/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ*).

+ Khu nhà ở công nhân và tái định cư (*phục vụ giải phóng mặt bằng KCN*) gắn với khu công nghiệp: Khoảng 18,11 ha.

+ Bổ sung một số hạng mục kết nối ngoài hàng rào khu công nghiệp.

- Quy mô lao động: Khoảng 2.000 - 3.000 lao động.

- Quy mô dân số hiện trạng khoảng 400 người (*100 hộ*), dự báo đến năm 2030 khoảng 450 người (*giai đoạn mở rộng khu công nghiệp Mai Sơn lên 312 ha là 850 người*).

4. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch

Khu công nghiệp Mai Sơn nằm tại xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Cách tuyến đường Quốc lộ 6 khoảng 5,7 km, có vị trí giáp ranh như sau:

- Phía Bắc giáp khu dân cư bản Quỳnh Châu, bản Quỳnh Trai;

- Phía Nam giáp đất lâm nghiệp bản Tiến Xa, xã Mường Bon;

- Phía Đông giáp đất nông nghiệp;

- Phía Tây giáp đất nông nghiệp, núi đá.

5. Mục tiêu

- Bổ sung quy hoạch xây dựng khu nhà ở công nhân và khu tái định cư (*phục vụ giải phóng mặt bằng KCN*) gắn với Khu công nghiệp đảm bảo các quy định của pháp luật về xây dựng, đất đai, môi trường, quy định về quản lý khu công nghiệp; điều chỉnh tính chất ngành nghề trong khu công nghiệp nhằm phát huy tiềm năng, thế mạnh của tỉnh.

- Làm cơ sở hoàn thành dứt điểm giai đoạn I và hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Mai Sơn giai

đoạn II; quản lý quy hoạch, đất đai, xây dựng theo quy hoạch được duyệt và theo quy định của pháp luật; xác định các hạng mục cần đầu tư, tổng nhu cầu vốn đầu tư cho khu công nghiệp; đồng thời là cơ sở kêu gọi thu hút các Nhà đầu tư xây dựng hạ tầng, sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp.

6. Tính chất, chức năng

- Là trung tâm phát triển kinh tế công nghiệp của tỉnh, là nhân tố thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện Mai Sơn nói riêng và tỉnh Sơn La nói chung, góp phần quan trọng trong việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế, thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh.

- Là khu công nghiệp tập trung đa ngành, có quy mô vừa và nhỏ, có hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, thuận tiện. Định hướng thu hút đầu tư thuộc các lĩnh vực chính như: chế biến nông - lâm sản; thực phẩm; dược liệu; thức ăn chăn nuôi; phân bón; sản xuất vật liệu mới; công nghiệp phụ trợ, bao bì; năng lượng tái tạo, dịch vụ Logistics...

7. Quy hoạch sử dụng đất

Cơ cấu sử dụng đất khu công nghiệp, quy mô tổng diện tích 150ha, gồm: Đất cơ quan hành chính, dịch vụ; Đất sản xuất công nghiệp (*đất nhà máy, kho tàng,..*); Đất cây xanh chuyên dụng, cây xanh cách ly; Đất đường giao thông; Bãi đỗ xe; Đất hạ tầng kỹ thuật và đất khác.

Cơ cấu quy hoạch sử dụng đất khu tái định cư, nhà ở công nhân, quy mô tổng diện tích 18,11 ha, gồm: Đất công cộng (*trường mầm non, nhà văn hoá*); Đất ở (*đất ở hiện trạng cải tạo, đất ở tái định cư*); đất nhà ở công nhân, đất thương mại dịch vụ, chợ, đất an ninh, đất cây xanh (*cây xanh thể dục, thể thao, cây xanh cách ly*); Đất đường giao thông; Bãi đỗ xe; đất hạ tầng kỹ thuật.

8. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

8.1. Giao thông đối ngoại

- Tuyến đường kết nối Khu công nghiệp với Quốc lộ 6 (ĐT.121), chiều dài khoảng 5,7 km thành đường giao thông cấp III miền núi (*từ đây kết nối với cảng hàng không sân bay Nà Sản và đường cao tốc Mộc Châu - thành phố Sơn La*).

- Kết nối Khu công nghiệp với thị trấn Hát Lót và Quốc lộ 279D: Tuyến ĐT.118 (QL.279D - Chiềng Xôm - Chiềng Ngần - Mường Bằng - Nà Bó).

- Kết nối tuyến đường Khu công nghiệp Mai Sơn - xã Chiềng Sung chiều dài khoảng 7,2 km theo tiêu chuẩn GTNT cấp B (TCVN 10380:2014)

8.2. Giao thông nội bộ

a) Giao thông nội bộ Khu công nghiệp

- Đường giao thông, bề rộng nền đường $B_{nền} = (14,5 - 30,0)m$

- Bãi đỗ xe khu công nghiệp (*BDX-01, BDX-02, BDX-03, BDX-04*): 32.379 m², ngoài ra khai thác bãi đỗ trong các công trình xây dựng nhà máy, nhà xưởng công nghiệp khi thiết kế xây dựng.

b) Giao thông nội bộ thuộc khu ở tái định cư và khu ở công nhân: Bề rộng nền đường $B_{\text{nền}} = 14,5\text{m}$;

c) Giao thông phục vụ quản lý vận hành hạ tầng cấp, thoát nước ngoài hàng rào khu công nghiệp: Quy mô đường giao thông nông thôn.

d) Cổng chào khu công nghiệp (02 cổng)

Vị trí 1: Đặt ở đầu đường vào Khu công nghiệp (*nút giao tuyến đường Quốc lộ 6 - Khu công nghiệp*), đây là vị trí dễ quan sát, tạo điểm nhấn trên trục đô thị Chiềng Sinh - Nà Sản.

Vị trí 2: Theo hướng từ Quốc lộ 6 - Khu công nghiệp, đặt ở nút giao đầu KCN (*tiếp giáp Khu trung tâm hành chính dịch vụ Khu công nghiệp*).

Quy mô, kiến trúc sẽ chuẩn xác khi lập dự án đầu tư.

8.3. Chuẩn bị kỹ thuật (san nền), thoát nước mưa.

a) Chuẩn bị kỹ thuật (san nền)

Dựa vào cao độ nền xây dựng hiện trạng và cao độ thiết kế đường giao thông, thiết kế giạt cấp bám theo địa hình để giảm khối lượng, chi phí.

- Nguồn đất đắp: Sẽ tận dụng phần đất đào của khu vực để san lấp mặt bằng, còn thiếu khai thác tại các mỏ quy hoạch trên địa bàn huyện Mai Sơn.

b) Thoát nước mưa

- Đối với khu công nghiệp: 03 tiểu lưu vực

+ Tiểu lưu vực 1 - Phía Đông Nam khu quy hoạch: Hướng dốc chung Tây Bắc - Đông Nam. Nước mưa sẽ được thu gom theo các tuyến cống, rãnh thoát nước của đường giao thông sau đó thoát ra chi lưu suối Nậm Pàn ở phía Đông Nam.

+ Tiểu lưu vực 2 - Phía Bắc: Hướng dốc chung Đông Bắc - Tây Nam. Nước mưa sẽ được thu gom theo các tuyến cống, rãnh thoát nước của đường giao thông sau đó thoát ra mương thoát nước chung tại khu trạm xử lý nước thải (*mương thoát nước chung đã được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh*).

+ Tiểu lưu vực 3 - Phía Đông Nam: Hướng dốc chung Đông Nam - Tây Bắc. Nước mưa sẽ được thu gom theo các tuyến cống, rãnh thoát nước của đường giao thông sau đó thoát ra mương thoát nước chung.

- Đối với khu tái định cư và nhà ở công nhân: Là tiểu lưu vực 4, hướng dốc chung Đông Nam - Tây Bắc. Nước mưa sẽ được thu gom theo các tuyến cống, rãnh thoát nước của đường giao thông sau đó thoát ra mương thoát nước chung khu vực.

- Hướng thoát nước chung của toàn khu vực là thoát về suối Nậm Pàn ở phía Đông Nam.

8.4. Cấp nước, PCCC

- Nguồn nước cấp cho khu công nghiệp Mai Sơn và khu ở tái định cư, nhà ở công nhân được lấy từ nguồn nước suối Nậm Pàn, cách KCN khoảng 1,5 km.

- Nhà máy xử lý nước sạch: Nằm tại phía Tây Nam khu công nghiệp, công suất 5.000 m³/ngày đêm (*thuộc quy hoạch giai đoạn 1, hoàn thành trong Quý III năm 2023*). Ngoài ra Công ty Cổ phần chế biến nông sản BHL Sơn La đã đầu tư xây dựng hoàn thành Nhà máy cấp nước công suất 4.000 m³/ngày đêm, đảm bảo cung cấp đủ nước cho Nhà máy chế biến tinh bột sắn.

- Xây dựng hồ chứa nước nằm ngoài ranh giới quy hoạch để lưu trữ, sơ lắng trước khi cấp cho nhà máy, đảm bảo tiết kiệm chi phí xử lý khi mùa mưa lũ đến, do nguồn nước suối Nậm Pàn có nhiều bùn đất vào mùa mưa lũ không đảm bảo chất lượng nước đầu vào. Diện tích hồ sơ lắng 2.400 m², dung tích hồ khoảng 7.500 m³.

- Mạng lưới đường ống: Sơ đồ mạng & tuyến: Mạng lưới đường ống được thiết kế theo kiểu mạng vòng, kết hợp mạng cụt. Bố trí các hống lấy nước chữa cháy, đảm bảo các quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy.

8.5. Cấp điện và chiếu sáng đô thị

a) Cấp điện: Từ lộ 373, 379 của TBA 110kV Mai Sơn và lộ 376 của trạm biến áp 110kV Sơn La.

b) Chiếu sáng công cộng: Chiếu sáng giao thông, công trình công cộng, công viên cây xanh.

8.6. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

a) Thu gom, xử lý nước thải

- Trạm xử lý nước thải: Đã đầu tư xây dựng giai đoạn 1 tại phía Tây Bắc khu công nghiệp với công suất 2.500 m³/ngày đêm đảm bảo xử lý được toàn bộ công suất nước thải tại khu quy hoạch. Ngoài ra tại khu công nghiệp Mai Sơn Công ty Cổ phần chế biến nông sản BHL Sơn La đã đầu tư xây dựng hoàn thành Nhà máy xử lý nước thải với quy mô, công suất 4.000 m³/ngày đêm, công trình đã đi vào hoạt động và được cấp thẩm quyền cấp giấy phép môi trường đảm bảo xử lý toàn bộ nước thải cho Nhà máy.

- Xây dựng hồ sự cố với dung tích khoảng 10.000m³, trong lô đất ĐM02, diện tích 8.902m² để dự phòng khi Trạm xử lý nước thải gặp sự cố.

- Mạng lưới đường ống: Thiết kế đường cống thu gom riêng biệt.

b) Thu gom chất thải rắn và vệ sinh môi trường: Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp được tập kết, phân loại, xử lý theo quy định.

8.7. Thông tin liên lạc

- Quy hoạch xây dựng 01 điểm cung cấp đa dịch vụ (*dịch vụ bưu chính, chuyển phát, dịch vụ viễn thông*) công cộng có người phục vụ tại khu vực đất dịch vụ thương mại (TMD-01).

- Mạng ngoại vi: Ngầm hóa các tuyến mạng ngoại vi dọc theo các tuyến kỹ thuật (*hoặc hào kỹ thuật*).

- Mạng thông tin di động: Quy hoạch xây dựng 02 trạm thu phát sóng thông tin di động tại các vị trí cây xanh (CX-01) và vị trí cây xanh (CX-03).

9. Dự kiến sơ bộ về tổng mức đầu tư; đề xuất giải pháp về nguồn vốn và tổ chức thực hiện

9.1. Dự kiến sơ bộ về tổng mức đầu tư

Tổng nhu cầu vốn đầu tư hoàn chỉnh quy hoạch: Khoảng 1.987.084 triệu đồng, gồm:

a) Trong khu công nghiệp: Khoảng 1.418.691 triệu đồng, gồm:

- Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp giai đoạn I: 343.008 triệu đồng.

- Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp giai đoạn II: 1.075.683 triệu đồng.

b) Ngoài hàng rào khu công nghiệp: Khoảng 294.216 triệu đồng, gồm:

- Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu tái định cư và khu ở công nhân: 200.855 triệu đồng.

- Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kết nối ngoài hàng rào: 93.361 triệu đồng.

c) Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở công nhân: 274.177 triệu đồng.

9.2. Đề xuất giải pháp về nguồn vốn

a) Vốn ngân sách Nhà nước: Dự kiến khoảng 1.469.847 triệu đồng (*chiếm khoảng 74% tổng mức đầu tư*).

b) Vốn khác (*vốn Nhà đầu tư*): Dự kiến khoảng 517.237 triệu đồng (*chiếm khoảng 26% tổng mức đầu tư*).

9.3. Tổ chức thực hiện

- Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh: Tổ chức triển khai hoàn thành dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Mai Sơn giai đoạn I.

- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và phát triển đô thị: Tổ chức triển khai dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Mai Sơn giai đoạn II và các hạng mục kết nối hạ tầng ngoài hàng rào khu công nghiệp.

- Nhà đầu tư: Tổ chức triển khai Dự án đầu tư xây dựng, sản xuất kinh doanh trong phạm vi khu đất được cấp thẩm quyền giao và các dự án đầu tư bằng nguồn vốn khác.

10. Tiến độ triển khai thực hiện quy hoạch

- Giai đoạn I, quy mô khu công nghiệp 63,7ha: 2006 - 2024

- Giai đoạn II, quy mô khu công nghiệp 86,3 ha, khu tái định cư và nhà ở công nhân 18,1ha, các hạng mục kết nối ngoài hàng rào: 2023 - 2028

- Nhà ở công nhân: Đầu tư theo tiến độ thu hút đầu tư và nhu cầu của công nhân./.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 208/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 20 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh một số nội dung tại Nghị quyết số 102/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh về phê duyệt điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Sơn La

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 152/2008/QĐ-TTg ngày 28 tháng 11 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng ở Việt Nam đến năm 2020; Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch bổ sung thăm dò, khai thác chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng ở Việt Nam đến năm 2020;

Xét Tờ trình số 86/TTr-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 541/BC-KTNS ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh một số nội dung tại Nghị quyết số 102/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của HĐND tỉnh về phê duyệt điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Sơn La, như sau:

1. Điều chỉnh 01 Mỏ đá làm nguyên liệu sản xuất cát tại bản Áng, xã Đông Sang, huyện Mộc Châu đã được quy hoạch tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Nghị quyết số 102/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của HĐND tỉnh (*Phụ lục số 01 kèm theo*).

2. Điều chỉnh đưa ra khỏi quy hoạch 05 điểm mỏ đất san lấp đã được quy hoạch tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Nghị quyết số 102/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của HĐND tỉnh (*Phụ lục số 02 kèm theo*).

3. Điều chỉnh tên địa danh 01 điểm mỏ đất san lấp đã được quy hoạch tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Nghị quyết số 102/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của HĐND tỉnh (*Phụ lục số 03 kèm theo*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 20 tháng 07 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Các Bộ: Xây dựng; Tài nguyên và Môi trường; Tư pháp;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Ban Thường vụ tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị xã hội tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

Phụ lục số 01
ĐIỀU CHỈNH DIỆN TÍCH ĐIỂM MỎ ĐÃ ĐƯỢC QUY HOẠCH TẠI
NGHỊ QUYẾT SỐ 102/NQ-HĐND NGÀY 13/7/2022 CỦA HĐND TỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 208/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Nghìn m³

STT	Tên mỏ	Địa điểm	Diện tích được QH tại Nghị quyết số 102NQ-HĐND ngày 13/8/2022 của HĐND tỉnh (ha)	Định hướng thăm dò, khai thác giai đoạn 2021 - 2030	Diện tích sau điều chỉnh (ha)	Định hướng thăm dò, khai thác giai đoạn 2021 - 2030 sau điều chỉnh (ĐVT:Nghìn m ³)	Thẩm quyền cấp phép
1	Mỏ đá làm nguyên liệu sản xuất cát tại bản Áng, xã Đông Sang, huyện Mộc Châu	Xã Đông Sang, huyện Mộc Châu	4,17	700	3,324	560	UBND tỉnh

Phụ lục số 02
DANH MỤC CÁC ĐIỂM MỎ ĐƯA RA KHỎI QUY HOẠCH
TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 102/NQ-HĐND NGÀY 13/7/2022 CỦA HĐND TỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 208/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND tỉnh)

STT	Tên mỏ	Địa điểm	Diện tích (ha)
1	Mỏ đất san lấp bản Hôm, xã Chiềng Cọ, thành phố Sơn La	Xã Chiềng Cọ, thành phố Sơn La	3,0
2	Mỏ đất san lấp Đồi khí tượng, tổ 9 phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La	Phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La	1,6
3	Mỏ đất san lấp tổ 3 (bản Hìn), phường Chiềng An, thành phố Sơn La	Phường Chiềng An, thành phố Sơn La	2,16
4	Mỏ đất san lấp bản Bom Cưa, xã Chiềng Mung và bản Lằm, xã Mường Bon, huyện Mai Sơn	Bản Bom Cưa, xã Chiềng Mung và bản Lằm, xã Mường Bon, huyện Mai Sơn	11,7
5	Mỏ đất san lấp tiểu khu 9, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn.	Thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn	13,0

Phụ lục số 03**ĐIỀU CHỈNH TÊN ĐIỂM MỎ KHOÁNG SẢN LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG
THƯỜNG TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 102/NQ-HĐND NGÀY 13/7/2022 CỦA HĐND TỈNH***(Kèm theo Nghị quyết số 208/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND tỉnh)**Đơn vị tính: Nghìn m³*

STT	Tên mỏ theo Nghị quyết số 102/NQ-HĐND	Tên mỏ điều chỉnh	Ghi chú
1	Điểm mỏ đất san lấp tiểu khu 15, 16 thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn	Mỏ đất san lấp bản Thống Nhất, xã Mường Bon; tiểu khu 15, 16 thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn	Các nội dung khác giữ nguyên theo Nghị quyết số 102/NQ- HĐND ngày 13/8/2022 của HĐND tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 209/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 20 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án Nhà nước
thu hồi đất để thực hiện các dự án đầu tư năm 2023 trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ BẢY**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Luật
quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số
148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một
số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Xét Tờ trình số 101/TTr-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2023 của UBND tỉnh;
Báo cáo thẩm tra số 541/BC-KTNS ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Ban Kinh tế -
Ngân sách của HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục bổ sung 09 công trình, dự án Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án đầu tư năm 2023 trên địa bàn tỉnh. Trong đó:

1. Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực... (Điểm b Khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai): 03 dự án, diện tích đất thu hồi 27.010 m².

2. Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư, dự án tái định cư, chợ,... (Điểm c Khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai năm 2013): 03 dự án, diện tích đất thu hồi 82.934,6 m².

3. Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn... (Điểm d Khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai năm 2013): 03 dự án, diện tích đất thu hồi 2.747.699 m².

(có 01 Biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VP Chủ tịch nước, VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường; Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, các Tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh; Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH**(Đã ký)****Nguyễn Thái Hưng**

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT
THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI**

(Kèm theo Nghị quyết số 209/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND tỉnh)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m ²)						Phân theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai	Nguồn vốn thực hiện	
			Tổng diện tích thu hồi đất (m ²)	Đất trồng lúa		Đất rừng phòng hộ		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất, đất rừng PH, đất rừng DD)			
				Đất ruộng lúa 02 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất có rừng	Đất chưa có rừng				
1	2	3	4+5+...12	5	6	8	9	12	13	14	15
	Tổng		2.857.643,6	7.165	83.694	-	288.900	2.477.885	-	-	-
I	Yên Châu		2.099	1.409,8	-	-	-	689,2	-	-	-
1	Đầu tư cơ sở hạ tầng điểm dân cư trung tâm xã Sập Vạt, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	Xã Sập Vạt, huyện Yên Châu	2.099	1.409,8				689,2	Điểm d	167/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 của HĐND huyện	Nguồn thu tiền sử dụng đất phân cấp cho huyện
II	Thành phố Sơn La		55	-	-	-	-	55	-	-	-
2	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Văn Cừ (đoạn Huổi Hin - bản Híp) thành phố Sơn La	Xã Chiềng Ngần	55					55	Điểm b	99/NQ-HĐND ngày 03/10/2022 của HĐND thành phố	Ngân sách thành phố
III	Huyện Bắc Yên		50.000	-	-	-	45.200	4.800	-	-	-

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m ²)						Phân theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai	Nguồn vốn thực hiện	
			Tổng diện tích thu hồi đất (m ²)	Đất trồng lúa		Đất rừng phòng hộ		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất, đất rừng PH, đất rừng ĐD)		Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn
				Đất ruộng lúa 02 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất có rừng	Đất chưa có rừng				
1	2	3	4+5+...12	5	6	8	9	12	13	14	15
3	Sắp xếp ổn định dân cư Co Xe, bản Tà Íu, xã Pắc Ngà	Xã Pắc Ngà	50.000				45.200	4.800	Điểm c	36/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của HĐND huyện Bắc Yên; 1531/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 của UBND huyện	Nguồn CTMTQG 1719
IV	Huyện Mộc Châu		2.746.800	-	79.000	-	225.000	2.442.800	-	-	-
4	Bảo tồn bản truyền thống dân tộc Mông bản Tà Sồ, xã Chiềng Hắc, huyện Mộc Châu	Xã Chiềng Hắc	1.200					1.200	Điểm c	1186/QĐ-UBND ngày 09/8/2022; 2140/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND huyện Mộc Châu	Nguồn vốn NSTW thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m ²)						Phân theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai	Nguồn vốn thực hiện	
			Đất trồng lúa		Đất rừng phòng hộ		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất, đất rừng PH, đất rừng ĐD)	Ngoài ngân sách		Nguồn vốn	
			Tổng diện tích thu hồi đất (m ²)	Đất ruộng lúa 02 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất có rừng					Đất chưa có rừng
1	2	3	4+5+...12	5	6	8	9		12		13
5	Khu dân cư dịch vụ du lịch đồi chè	Thị trấn Nông trường Mộc Châu; xã Phiêng Luông	2.393.700		38.000		225.000	2.130.700	Điểm d	1278/QĐ-UBND ngày 16/7/2023 của UBND tỉnh Sơn La	Ngoài ngân sách
6	Khu dân cư dịch vụ cửa ngõ	Xã Phiêng Luông, huyện Mộc Châu	351.900		41.000			310.900	Điểm d	2702/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh Sơn La	Ngoài ngân sách
V	Huyện Mường La		58.690	5.755	4.694	-	18.700	29.541	-	-	-
7	Đường từ bản Mường Pịa (xã Chiềng Hoa) đến bản Nậm Hồng (xã Chiềng Công)	Xã Chiềng Hoa, xã Chiềng Công	20.500				18.700	1.800	Điểm b	1002/QĐ-UBND ngày 09/6/2023 của UBND tỉnh; 189/NQ-HĐND ngày 02/6/2023	Nguồn vốn trung ương

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m ²)						Phân theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai		Nguồn vốn thực hiện	
			Tổng diện tích thu hồi đất (m ²)	Đất trồng lúa		Đất rừng phòng hộ		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất, đất rừng PH, đất rừng ĐD)			Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn
				Đất ruộng lúa 02 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất có rừng	Đất chưa có rừng					
1	2	3	4+5+...12	5	6	8	9	12	13	14	15	
8	Đường giao thông từ bản Phiêng Lòi đến bản Lọng Bong, xã Hua Trai	Xã Hua Trai	6.455	5.755				700	Điểm b	1002/QĐ-UBND ngày 09/6/2023 của UBND tỉnh; 189/NQ-HĐND ngày 02/6/2023	Nguồn vốn trung ương	
9	Bổ trí ổn định dân cư vùng thiên tai cấp bách ban Chăm Pông, xã Ngọc Chiến, huyện Mường La	Xã Ngọc Chiến	31.734,6		4.693,6			27.041	Điểm c	105/QĐ-TTg ngày 31/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ	Nguồn vốn dự phòng ngân sách trung ương	

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND
- UBNDTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Tô Hiệu, thành
phố Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com